

BỘ NỘI VỤ



TÀI LIỆU TẬP HUẤN
HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC BẦU
CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHOÁ XVI VÀ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
NHIỆM KỲ 2026 - 2031

Hà Nội, tháng 01 năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân là sự kiện chính trị quan trọng, ngày hội lớn của toàn dân và là biểu hiện sinh động của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nghị quyết số 199/2025/QH15 của Quốc hội XV đã ấn định ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 là ngày 15 tháng 3 năm 2026.

Bộ Nội vụ là cơ quan thường trực của Chính phủ, giữ vai trò nòng cốt trong tham mưu, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật về bầu cử và phân công của Hội đồng bầu cử Quốc gia. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai công tác bầu cử theo thẩm quyền; hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bầu cử, các văn bản hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và các cơ quan trung ương. Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ trực tiếp hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai công tác bầu cử trong phạm vi cả nước, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng bầu cử quốc gia để chỉ đạo, điều hành thống nhất, thông suốt, hiệu quả. Qua các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiều nhiệm kỳ qua, Bộ Nội vụ luôn chủ động, tích cực chuẩn bị và phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng quy trình nghiệp vụ, góp phần quan trọng bảo đảm để mỗi cuộc bầu cử được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, thành công và Ngày bầu cử thực sự trở thành ngày hội của toàn dân.

Trong thời gian qua, bên cạnh việc tham mưu, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 (sau đây gọi chung là cuộc bầu cử), Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các văn bản về hướng dẫn nghiệp vụ công tác bầu cử được Bộ Nội vụ ban hành nhằm giúp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh, cấp xã, đặc biệt các tổ chức phụ trách bầu cử được thành lập ở cấp tỉnh, cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện cuộc bầu cử, thực hiện tốt các quyền hạn, trách nhiệm, công việc cụ thể của mình trong công tác bầu cử theo quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời để giúp thuận lợi cho việc tra cứu thông tin trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ của các cá nhân, tổ chức liên quan, Bộ Nội vụ xây dựng Tài liệu tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Bộ Nội vụ trân trọng giới thiệu.

Bộ Nội vụ

PHẦN I.

KHU VỰC BỎ PHIẾU VÀ CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG

I. KHU VỰC BỎ PHIẾU

1. Thẩm quyền và cách thức xác định khu vực bỏ phiếu

Theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (sau đây gọi tắt là Luật Bầu cử), việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể điều chỉnh việc xác định khu vực bỏ phiếu. Việc xác định khu vực bỏ phiếu được thực hiện trước khi thành lập Tổ bầu cử.

Cách thức thực hiện việc xác định khu vực bỏ phiếu được quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 21/2025/TT-BNV như sau: Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ số lượng cử tri, đặc điểm địa hình, việc phân bố dân cư trên địa bàn để xác định các khu vực bỏ phiếu cho phù hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó mỗi khu vực bỏ phiếu bao gồm một hoặc một số thôn, tổ dân phố hợp thành. Trường hợp thôn, tổ dân phố có số lượng cử tri quá đông hoặc do địa bàn rộng lớn, bị chia cắt, việc phân bố dân cư không tập trung thì có thể chia thôn, tổ dân phố thành nhiều khu vực bỏ phiếu. Việc phân chia thôn, tổ dân phố thành nhiều khu vực bỏ phiếu phải bảo đảm thuận lợi cho việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các tổ chức phụ trách bầu cử và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhất là trong thực hiện công tác bầu cử của Tổ bầu cử.

2. Khu vực bỏ phiếu: Quy mô, cách xác định và trường hợp đặc biệt

a) Việc xác định khu vực bỏ phiếu phải đáp ứng quy mô, cách xác định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Luật Bầu cử, cụ thể:

(1) Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được chia thành các khu vực bỏ phiếu. Khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội đồng thời là khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

(2) Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm (300) đến bốn nghìn (4.000) cử tri. Ở miền núi, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có đủ ba trăm cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu.

b) Các trường hợp có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng được quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Bầu cử, bao gồm:

(1) Đơn vị vũ trang nhân dân;

(2) Bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ năm mươi cử tri trở lên;

(3) Cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam.

3. Việc xử lý các tình huống phát sinh sau khi đã phân chia khu vực bỏ phiếu

Tại Điều 4 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định 03 tình huống phát sinh và cách xử lý sau khi phân chia khu vực bỏ phiếu như sau:

a) Trường hợp sau khi đã thành lập các khu vực bỏ phiếu và lập danh sách cử tri tại các khu vực bỏ phiếu nhưng trên địa bàn xảy ra dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao, phải thực hiện việc cách ly tại cơ sở cách ly tập trung, địa bàn phải phong tỏa hoặc do thiên tai, hỏa hoạn dẫn đến địa hình bị chia cắt mà khu vực cách ly tập trung, địa bàn bị phong tỏa hoặc bị chia cắt có số lượng cử tri quá lớn hoặc có nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh cao thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đó sau khi báo cáo và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định thành lập bổ sung khu vực bỏ phiếu riêng tại cơ sở cách ly tập trung, địa bàn bị phong tỏa, bị chia cắt.

b) Trường hợp khu vực bỏ phiếu có số lượng cử tri giảm nhiều so với thời điểm lập danh sách cử tri đến mức ít hơn số lượng cử tri tối thiểu để thành lập khu vực bỏ phiếu theo quy định thì căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định vẫn tiếp tục duy trì khu vực bỏ phiếu đó để tiến hành việc bỏ phiếu bình thường (dự phòng trường hợp cử tri đã đăng ký trong danh sách cử tri quay trở lại khu vực bỏ phiếu trước ngày bầu cử) hoặc quyết định giải thể khu vực bỏ phiếu và Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu đó để ghép chung vào khu vực bỏ phiếu khác liền kề trong cùng đơn vị bầu cử, bảo đảm thuận tiện cho cử tri và phù hợp với năng lực của các tổ chức phụ trách bầu cử trên địa bàn. Quyết định giải thể khu vực bỏ phiếu phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo kịp thời, rộng rãi đến cử tri về việc thay đổi khu vực bỏ phiếu để cử tri biết và thực hiện việc bỏ phiếu theo quy định.

c) Trường hợp cần thiết để bảo đảm thực hiện tốt công tác bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự mình hoặc theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, quyết định điều chỉnh khu vực bỏ phiếu đã được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trên nguyên tắc tạo thuận lợi cho cử tri trong việc tham gia bầu cử, bảo đảm công bằng, hợp lý, không làm thay đổi quyền bầu cử của cử tri và tuân thủ quy định của Luật Bầu cử và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Quyết định điều chỉnh khu vực bỏ phiếu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức công bố, niêm yết và thông báo rộng rãi đến cử tri việc điều chỉnh khu vực bỏ phiếu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

II. CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG

Theo quy định tại Điều 21 Luật Bầu cử, có 03 tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương bao gồm: (1) Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố, Ủy ban bầu cử ở xã, phường, đặc khu (gọi chung là Ủy ban bầu cử); (2) Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (gọi chung là Ban bầu cử); (3) Tổ bầu cử.

1. Ủy ban bầu cử

Theo quy định tại Điều 22 Luật Bầu cử, Ủy ban nhân dân các cấp, sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, có trách nhiệm quyết định thành lập Ủy ban bầu cử. Việc thành lập Ủy ban bầu cử phải được thực hiện **chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử**. Cụ thể như sau:

a) *Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (UBBC ở tỉnh):* Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Bầu cử, UBBC ở tỉnh có **từ 23 đến 37 thành viên¹** chịu trách nhiệm-thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại tỉnh, thành phố, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Danh sách Ủy ban bầu cử ở tỉnh phải được gửi đến Hội đồng Bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ban Thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

b) *Ủy ban bầu cử ở xã, phường, đặc khu (UBBC ở xã):* Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Bầu cử, Ủy ban bầu cử ở xã có **từ 9 đến 17 thành viên²** chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Danh sách Ủy ban bầu cử ở xã phải được gửi đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

2. Ban bầu cử

Theo quy định tại Điều 24 Luật Bầu cử, Ủy ban nhân dân các cấp, sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, có trách nhiệm quyết định thành lập các Ban bầu cử. Việc thành lập các Ban bầu cử phải được thực hiện **chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử**. Cụ thể như sau:

¹ Cơ cấu gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên là đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

² Cơ cấu gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

a) *Ban bầu cử đại biểu Quốc hội*: Ban bầu cử đại biểu Quốc hội được thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội có **từ 9 đến 17 thành viên³**, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

b) *Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*: Ban bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh được thành lập tại mỗi đơn vị bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh có **từ 11 đến 15 thành viên⁴**, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp.

c) *Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã*: Ban bầu cử đại biểu HĐND cấp xã được thành lập tại mỗi đơn vị bầu cử đại biểu HĐND cấp xã có **từ 9 đến 15 thành viên⁵** do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Lưu ý: Đối với đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã chỉ có một khu vực bỏ phiếu thì vẫn phải thành lập Ban bầu cử riêng theo đúng quy định của Luật Bầu cử. Thành viên Ban bầu cử có thể tham gia làm thành viên Tổ bầu cử (khoản 2 Điều 7 Thông tư số 21/2025/TT-BNV).

3. Tổ bầu cử

a) Theo quy định tại Điều 25 Luật Bầu cử, **chậm nhất là 43 ngày trước ngày bầu cử (ngày 31/01/2026)**, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Tổ bầu cử có **từ 11 đến 21 thành viên** gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương.

b) Việc thành lập Tổ Bầu cử đối với đơn vị vũ trang nhân dân được thực hiện theo Điều 25 Luật Bầu cử, theo đó, có 02 trường hợp sau:

(1) Trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng được thành lập một Tổ bầu cử **có từ 5 đến 9 thành viên**, gồm: Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

³Cơ cấu gồm: Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, Thư ký và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

⁴Cơ cấu gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

⁵Cơ cấu gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và có thêm đại diện cử tri ở địa phương.

(2) Trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung một khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân quyết định thành lập Tổ bầu cử gồm **11 đến 21 thành viên**, gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương, đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

c) Việc thành lập tổ chức phụ trách bầu cử tại đơn vị bầu cử chỉ có một khu vực bỏ phiếu và tại đặc khu có dân số thường trú dưới 1.000 người được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Thông tư số 21/2025/TT-BNV như sau:

(1) *Đối với đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã chỉ có một khu vực bỏ phiếu* thì vẫn phải thành lập Tổ bầu cử riêng theo đúng quy định của Luật Bầu cử. Thành viên Ban bầu cử có thể tham gia làm thành viên Tổ bầu cử.

(2) *Tại đặc khu có dân số thường trú dưới 1.000 người và không tổ chức cấp chính quyền địa phương*, việc thành lập tổ chức phụ trách bầu cử được thực hiện như sau: Ủy ban nhân dân đặc khu, sau khi thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, quyết định thành lập một Tổ bầu cử tại mỗi khu vực bỏ phiếu để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Số lượng thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc hoạt động của Tổ bầu cử tại đặc khu thực hiện theo đúng quy định của Luật Bầu cử.

4. Nhân sự tham gia các tổ chức phụ trách bầu cử

a) *Lựa chọn nhân sự:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức phụ trách bầu cử lựa chọn những người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, được quần chúng tín nhiệm, hiểu biết pháp luật, có kinh nghiệm về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và kinh nghiệm thực hiện công tác bầu cử trước đó (nếu có) tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử.

b) *Các trường hợp không được tham gia các tổ chức phụ trách bầu cử:* Theo quy định tại Điều 27 Luật Bầu cử, người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử. Nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử thì người ứng cử phải xin rút khỏi danh sách thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử đó chậm nhất là vào ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử. Trường hợp người ứng cử không có đơn xin rút thì cơ quan đã quyết định thành lập Ban bầu cử, Tổ bầu cử đó ra quyết định xóa tên người ứng cử khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử và bổ sung thành viên khác để thay thế.

c) *Thay đổi, bổ sung thành viên tổ chức phụ trách bầu cử*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, trường hợp thành viên tổ chức phụ trách bầu cử vì các lý do như chết, bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vì lý do khác dẫn đến khuyết thành viên tổ chức phụ trách bầu cử hoặc do trên địa bàn xảy ra dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao, phải thực hiện việc cách ly tập trung, địa bàn phải phong tỏa thì căn cứ tình hình cụ thể của mỗi địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thay đổi, bổ sung thành viên tổ chức phụ trách bầu cử ở cấp mình trước ngày bầu cử vừa bảo đảm đủ số lượng theo quy định của Luật Bầu cử, vừa đáp ứng yêu cầu thực hiện tốt công tác bầu cử.

Đối với đặc khu có dân số thường trú dưới 1.000 người mà không tổ chức cấp chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân đặc khu sau khi thống nhất với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thay đổi, bổ sung thành viên Tổ bầu cử trước ngày bầu cử.

III. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TỪNG TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban bầu cử ở tỉnh trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội

Theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Bầu cử, trong việc bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh có **12** nhóm nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

(1) Chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội ở các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội trên địa bàn tỉnh, thành phố; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử;

(2) Chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

(3) Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

(4) Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và hồ sơ của người tự ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương; gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người được giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để tiến hành hiệp thương; gửi hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương đến Hội đồng bầu cử quốc gia;

(5) Lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo đơn vị bầu cử và báo cáo để Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định;

(6) Chỉ đạo, kiểm tra việc lập và niêm yết danh sách cử tri;

(7) Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phân phối cho các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội chậm nhất là 17 ngày trước ngày bầu cử;

(8) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Quốc hội do Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử chuyển đến; khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội;

(9) Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

(10) Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội theo yêu cầu của Hội đồng Bầu cử quốc gia;

(11) Chuyển hồ sơ, biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử quốc gia;

(12) Tổ chức việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Quốc hội theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban bầu cử ở các cấp trong công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân

Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Bầu cử, trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử ở các cấp có **14** nhóm nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

(1) Chỉ đạo việc tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình ở địa phương; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

(2) Quản lý và phân bổ kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình;

(3) Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương;

(4) Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương;

(5) Ấn định và công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu của mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình;

(6) Nhận và xem xét hồ sơ của những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, thôn, tổ dân phố ở địa phương giới thiệu ứng cử và

những người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình; gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để tiến hành hiệp thương;

(7) Lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình theo từng đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; xóa tên người ứng cử trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

(8) Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từ Ủy ban nhân dân cùng cấp và phân phối cho các Ban bầu cử chậm nhất là 17 ngày trước ngày bầu cử;

(9) Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình ở từng đơn vị bầu cử do các Ban bầu cử gửi đến; lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp mình;

(10) Chỉ đạo việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Bầu cử;

(11) Xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

(12) Trình Hội đồng nhân dân khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp được bầu;

(13) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình, Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình do Ban bầu cử, Tổ bầu cử chuyển đến; khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, việc lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

(14) Bàn giao các biên bản tổng kết và hồ sơ, tài liệu về cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cho Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp khóa mới.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Bầu cử trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

Theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Bầu cử, trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban bầu cử thực hiện **09** nhóm nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

(1) Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử của các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;

(2) Kiểm tra, đơn đốc việc lập, niêm yết danh sách cử tri và việc niêm yết danh sách những người ứng cử ở các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;

(3) Chỉ đạo, kiểm tra, đơn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu và công việc bầu cử ở các phòng bỏ phiếu;

(4) Nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Tổ bầu cử chậm nhất là 13 ngày trước ngày bầu cử;

(5) Nhận, tổng hợp và kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử; lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử;

(6) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử của các Tổ bầu cử và khiếu nại, tố cáo về bầu cử do các Tổ bầu cử chuyển đến; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội; nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

(7) Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo hướng dẫn, yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc theo yêu cầu của Ủy ban bầu cử cùng cấp;

(8) Chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh; chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ủy ban bầu cử cùng cấp;

(9) Tổ chức thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có).

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ Bầu cử trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

Theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bầu cử, trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ bầu cử thực hiện **10** nhóm nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

(1) Phụ trách công tác bầu cử trong khu vực bỏ phiếu;

(2) Bố trí phòng bỏ phiếu, chuẩn bị hòm phiếu;

(3) Nhận tài liệu và phiếu bầu cử từ Ban bầu cử; phát thẻ cử tri, phiếu bầu cử có đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri;

(4) Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử;

(5) Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về bầu cử và nội quy phòng bỏ phiếu;

(6) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử quy định tại Điều này; nhận và chuyển đến Ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu

Hội đồng nhân dân, khiếu nại, tố cáo khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổ bầu cử;

(7) Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử để gửi đến Ban bầu cử tương ứng;

(8) Chuyển biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử và toàn bộ phiếu bầu cử đến Ủy ban nhân dân cấp xã khi kết thúc việc kiểm phiếu;

(9) Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo quy định của các tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên;

(10) Thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại tại khu vực bỏ phiếu (nếu có).

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG

1. Nguyên tắc hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử

Điều 26 Luật Bầu cử quy định 02 nguyên tắc hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương, bao gồm:

a) Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham dự; các quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

b) Cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức phụ trách bầu cử có quyền trung tập cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập để giúp thực hiện các công việc liên quan đến tổ chức bầu cử.

2. Quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ thành viên tổ chức phụ trách bầu cử

a) Quy chế làm việc

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, để bảo đảm hiệu quả hoạt động, các tổ chức phụ trách bầu cử cần xây dựng và ban hành quy chế làm việc. Tùy tính chất, nhiệm vụ của từng tổ chức phụ trách bầu cử mà quy chế làm việc có nội dung phù hợp, trong đó, cần thiết có các nội dung như: Nguyên tắc và hình thức làm việc của tổ chức phụ trách bầu cử; chế độ, lề lối làm việc, quy trình xử lý công việc của tổ chức phụ trách bầu cử; các cuộc họp của tổ chức phụ trách bầu cử; phân công nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử; mối quan hệ công tác, chế độ thông tin, báo cáo của tổ chức phụ trách bầu cử.

b) Phân công nhiệm vụ thành viên tổ chức phụ trách bầu cử

Chủ tịch Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh, ở cấp xã, Trưởng ban Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Trưởng ban Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và Tổ trưởng Tổ bầu cử (gọi chung là người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử) chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình để triển khai công việc ngay từ giai đoạn chuẩn bị, trong ngày bầu cử và sau ngày bầu cử cho đến khi kết thúc cuộc bầu cử. Trong đó, phân công thư ký chịu trách nhiệm quản lý tài liệu, con dấu, tổng hợp chung công tác bầu cử của tổ chức phụ trách bầu cử (khoản 2 Điều 8 Thông tư số 21/2025/TT-BNV).

c) Bộ phận thường trực

Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử và Tổ bầu cử phân công bộ phận thường trực gồm người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử, thư ký và một số ủy viên để kịp thời chỉ đạo, theo dõi, nắm bắt tình hình bầu cử ở địa phương. Quy chế làm việc của tổ chức phụ trách bầu cử phải xác định rõ trách nhiệm của bộ phận thường trực (khoản 3 Điều 8 Thông tư số 21/2025/TT-BNV).

3. Hoạt động của tổ chức phụ trách bầu cử và trách nhiệm của các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử

a) Hoạt động của tổ chức phụ trách bầu cử

Theo khoản 1 Điều 9 Thông tư số 21/2025/TT-BNV thì tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện 05 nhóm hoạt động sau đây:

(1) Huy động lực lượng hỗ trợ công tác bầu cử

Căn cứ điều kiện cụ thể, cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức phụ trách bầu cử có thể huy động hoặc trưng tập cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức xã hội ở cấp tỉnh, cấp xã, thôn, tổ dân phố; hoặc mời người có kinh nghiệm tham gia hỗ trợ theo đề nghị của người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử.

(2) Tổ chức quán triệt nhiệm vụ và tập huấn nghiệp vụ

Các tổ chức phụ trách bầu cử có trách nhiệm quán triệt đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật Bầu cử và bảo đảm tất cả thành viên được tập huấn về pháp luật, kỹ năng và nghiệp vụ thực hiện công tác bầu cử. Việc tập huấn có thể thực hiện trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp cả hai, trong đó đặc biệt chú trọng tập huấn cho các thành viên Tổ bầu cử. Việc tập huấn có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

(3) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định và chế độ báo cáo

Các tổ chức phụ trách bầu cử triển khai các nhiệm vụ theo Luật Bầu cử, đồng thời thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình chuẩn bị, triển khai và tổ chức bầu cử theo hướng dẫn của tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên và

cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Những quyết định quan trọng phải được thảo luận tập thể và ban hành dưới hình thức nghị quyết; đối với các nội dung điều hành, chỉ đạo, báo cáo hoặc giải quyết khiếu nại, tố cáo thì được thực hiện bằng các văn bản hành chính như chương trình, kế hoạch, công văn, thông báo, báo cáo và các văn bản khác theo quy định.

(4) Xử lý tình huống khẩn cấp

Trong trường hợp tại địa bàn, khu vực bỏ phiếu xảy ra các tình huống khẩn cấp về thiên tai, hỏa hoạn, bùng phát dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao dẫn đến địa hình bị chia cắt, bị cách ly hoặc xuất hiện tình hình an ninh, trật tự phức tạp thì các tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, của Thông tư số 21/2025/TT-BNV và của cơ quan có thẩm quyền.

(5) Tổ chức bầu cử sớm tại khu vực được phép

Đối với các khu vực bỏ phiếu được Hội đồng bầu cử quốc gia cho phép bầu cử sớm, các tổ chức phụ trách bầu cử tại địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện bảo đảm an toàn, đúng quy định và theo hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

b) Trách nhiệm của thành viên tổ chức phụ trách bầu cử

Thành viên tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện trách nhiệm theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 21/2025/TT-BNV như sau:

(1) Người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử phân công, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể đối với từng thành viên tổ chức phụ trách bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho tổ chức phụ trách bầu cử trong quá trình thực hiện công tác bầu cử.

(2) Thành viên các tổ chức phụ trách bầu cử có trách nhiệm tham gia đầy đủ việc tập huấn các quy định pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác bầu cử; nắm vững và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; công tâm, khách quan, trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

(3) Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử phải trao đổi, hội ý công việc, đánh giá rút kinh nghiệm về những công việc đã thực hiện của mỗi thành viên; người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các thành viên thực hiện những công việc còn tồn đọng và phân công các thành viên thực hiện các công việc tiếp theo của tổ chức phụ trách bầu cử theo tiến độ thực hiện công tác bầu cử.

(4) Khi thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt trong ngày bầu cử, các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử phải đeo phù hiệu của tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình.

5. Thời điểm kết thúc nhiệm vụ của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương

Thời điểm kết thúc nhiệm vụ của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương được quy định tại Điều 28 Luật Bầu cử, bao gồm:

(1) Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Quốc hội sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước và công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội.

(2) Ủy ban bầu cử ở tỉnh, ở xã hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình sau khi Ủy ban bầu cử ở tỉnh, ở xã đã trình báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình và hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình tại kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới.

(3) Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã, Tổ bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình sau khi Ủy ban bầu cử cấp mình kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

PHẦN II.

LẬP, NIÊM YẾT, RÀ SOÁT, CẬP NHẬT DANH SÁCH CỬ TRI VÀ PHÁT THẺ CỬ TRI

I. NGUYÊN TẮC LẬP DANH SÁCH CỬ TRI

Theo quy định tại Điều 29 Luật Bầu cử, việc lập danh sách cử tri phải tuân thủ 05 nguyên tắc sau:

1. Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri theo quy định.

2. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

3. Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

4. Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú) xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi tên vào danh

sách cử tri và nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

5. Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

II. THẨM QUYỀN LẬP DANH SÁCH CỬ TRI

1. Thẩm quyền lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu

Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Bầu cử, danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo từng khu vực bỏ phiếu.

2. Thẩm quyền lập danh sách cử tri trong một số trường hợp đặc biệt

a) Đối với lực lượng vũ trang nhân dân

(1) Theo khoản 2 Điều 31 Luật Bầu cử, danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân do Chỉ huy đơn vị lập theo đơn vị vũ trang nhân dân để đưa vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đơn vị đóng quân. Quân nhân có hộ khẩu thường trú ở địa phương gần khu vực đóng quân có thể được chỉ huy đơn vị cấp giấy chứng nhận để được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Khi cấp giấy chứng nhận, chỉ huy đơn vị phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân bên cạnh tên người đó cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi cư trú”.

(2) Đối với đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì việc lập danh sách cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân do Chỉ huy đơn vị quyết định. Chỉ huy đơn vị sau khi lập danh sách cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân thì gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn đơn vị đóng quân để tổng hợp và phát Thẻ cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân. Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện chế độ bảo mật về số lượng, danh sách cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân theo quy định của pháp luật và đề nghị của Chỉ huy đơn vị (khoản 2 Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV).

(3) Trong trường hợp một đơn vị vũ trang nhân dân đóng quân trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì Chỉ huy đơn vị đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đơn vị đóng quân chỉ định Ủy ban nhân dân của một trong các đơn vị hành chính cấp xã chủ trì, phối hợp với Chỉ huy đơn vị thực hiện việc lập danh sách cử tri, sau đó phát thẻ cử tri cho cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân. Trường hợp một đơn vị vũ trang nhân dân đóng quân trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Chỉ

huy đơn vị đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt sở chỉ huy chỉ định Ủy ban nhân dân của một trong các đơn vị hành chính cấp xã chủ trì, phối hợp với Chỉ huy đơn vị thực hiện việc lập danh sách cử tri, sau đó phát thẻ cử tri cho cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân (khoản 3 Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV).

b) Đối với trường hợp các bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ 50 (năm mươi) cử tri trở lên; cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ quan, tổ chức, đơn vị đó đặt trụ sở chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lập danh sách cử tri (khoản 4 Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV).

c) Đối với người di dân tự do là công dân Việt Nam

Trường hợp người di dân tự do là công dân Việt Nam, thực tế sinh sống trên địa bàn nhưng chưa hoàn thành thủ tục đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp xã cần thông tin cho công dân biết về cách thức thực hiện quyền bầu cử và việc lập danh sách cử tri để họ quyết định nơi mình đăng ký thực hiện quyền bầu cử (có thể trở về nơi họ đang đăng ký thường trú hoặc tạm trú). Trường hợp cử tri có nguyện vọng được thực hiện việc bầu cử tại địa phương nơi họ đang thực tế sinh sống thì địa phương tạo điều kiện để ghi tên những cử tri này vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu tương ứng nơi họ đang thực tế sinh sống và thực hiện quyền bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (khoản 8 Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV).

III. NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC GHI TÊN, XÓA TÊN HOẶC BỔ SUNG TÊN VÀO DANH SÁCH CỬ TRI

Những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri được quy định tại Điều 30 Luật Bầu cử và Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, bao gồm các trường hợp cụ thể sau:

1. Bốn (04) trường hợp không được ghi tên vào danh sách cử tri gồm:

(1) Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri;

(2) Trường hợp công dân đã đăng ký thường trú tại địa phương nhưng đi làm ăn, sinh sống tại địa phương khác hoặc ở nước ngoài, nếu đã làm thủ tục thay đổi thông tin nơi cư trú hoặc khai báo tạm vắng ở địa phương thì được coi là không

thường trú tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi công dân đăng ký thường trú nêu trên không ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri;

(3) Đối với trường hợp người bị mắc bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác dẫn đến không nhận thức, làm chủ được hành vi, nhưng chưa có điều kiện tổ chức khám và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền, chưa được Tòa án tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân sự mà gia đình, người giám hộ có cam kết và có xác nhận của chính quyền địa phương thì những người này cũng bị coi là người mất năng lực hành vi dân sự và không được ghi tên vào danh sách cử tri;

(4) Trường hợp người di dân tự do thực tế sinh sống trên địa bàn nhưng không có giấy tờ, tài liệu, căn cứ chứng minh về quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

2. Bảy (07) trường hợp được bổ sung vào danh sách cử tri gồm:

(1) Người thuộc các trường hợp bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri theo quy định, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc lập danh sách cử tri;

(2) Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được bổ sung vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (tại nơi đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 12 tháng trở lên) hoặc được bổ sung vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (tại nơi đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng);

(3) Cử tri là quân nhân có nơi thường trú tại địa phương gần khu vực đóng quân có thể được chỉ huy đơn vị cấp giấy chứng nhận để được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Cử tri mang giấy chứng nhận tới UBND cấp xã nơi thường trú để bổ sung tên vào danh sách cử tri. Công an cấp xã nơi thường trú đưa cử tri vào danh sách cử tri tại địa bàn trên phần mềm;

(4) Đối với công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm tiến hành bỏ phiếu 24 giờ thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam. Công an cấp xã xác minh thông tin cư trú về nơi cư trú trước đây và bổ sung vào danh sách cử tri tại địa bàn trên phần mềm;

(5) Cử tri đã có giấy chứng nhận về việc bỏ phiếu nơi khác của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập danh sách cử tri lần đầu cấp thì mang giấy chứng nhận tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của địa bàn đó;

(6) Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú thì được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

(7) Sáu (06) trường hợp điều chỉnh, bổ sung đặc biệt theo Điều 12 Thông tư số 21/2025/TT-BNV như sau:

(i) *Trường hợp cách ly y tế hoặc địa bàn phong tỏa nằm ngoài địa bàn cấp xã cư trú:* Trường hợp có cử tri thuộc danh sách cử tri trên địa bàn cấp xã bị áp dụng biện pháp cách ly tại cơ sở cách ly tập trung hoặc cử tri đang ở khu vực địa bàn bị phong tỏa, bị chia cắt (địa bàn bị cách ly) nằm ngoài địa bàn cấp xã của mình thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập danh sách cử tri có trách nhiệm nắm thông tin, chủ động lập danh sách cử tri ở địa bàn bị cách ly và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa bàn bị cách ly để bổ sung những người này vào danh sách cử tri tham gia bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp đến ngày bầu cử mà những người này vẫn đang ở địa bàn bị cách ly. Trường hợp cử tri bị cách ly y tế thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập danh sách cử tri ban đầu có trách nhiệm cập nhật vào danh sách cử tri cùng dòng với họ và tên của cử tri này nội dung ghi chú “bỏ phiếu ở nơi khác do cách ly y tế”. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi địa bàn bị cách ly phải kịp thời nắm bắt thông tin về tình hình, số lượng cử tri đang ở các khu vực này để phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập danh sách cử tri đối với các cử tri đang ở trên địa bàn bị cách ly của địa phương mình để tạo điều kiện thuận lợi cho các cử tri này thực hiện quyền bầu cử theo quy định của pháp luật.

(ii) *Trường hợp đã có Giấy chứng nhận bỏ phiếu nơi khác và có nguyện vọng bỏ phiếu nơi khác:* Trường hợp cử tri không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri, đã xin Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình có tên trong danh sách cử tri để tham gia bỏ phiếu ở nơi khác thì được bổ sung tên vào danh sách cử tri tại địa phương nơi cử tri có thể tham gia bỏ phiếu để thực hiện quyền bầu cử theo quy định tại Điều 34 của Luật Bầu cử. Việc bổ sung tên vào danh sách cử tri trong trường hợp này được tính đến thời điểm

bắt đầu bỏ phiếu. Sau thời điểm bắt đầu bỏ phiếu, Ủy ban nhân dân cấp xã không thực hiện việc bổ sung danh sách cử tri.

(iii) Trường hợp đã có Giấy chứng nhận bỏ phiếu nơi khác và có nguyện vọng bỏ phiếu tại nơi thường trú (tạm trú): Đối với trường hợp cử tri đã được lập danh sách cử tri tại nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú), nhưng đã được cấp Giấy chứng nhận tham gia bỏ phiếu ở nơi khác, sau đó cử tri lại có nguyện vọng được tham gia bỏ phiếu tại nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú) thì việc lập, điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri được thực hiện như sau:

- Trường hợp cử tri đã xuất trình Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu ở nơi khác và đã được bổ sung tên vào danh sách cử tri ở nơi khác, nhưng sau đó lại trở về địa phương nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú) và có nguyện vọng thực hiện quyền bầu cử tại nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú) thì cử tri phải thông báo và xin Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri mới đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu ở nơi khác. Đồng thời, cử tri cần đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình thường trú (hoặc nơi tạm trú) để đề nghị được bổ sung vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri để thực hiện quyền bầu cử theo quy định ở khu vực bỏ phiếu nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú);

- Trường hợp cử tri chưa xuất trình Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu ở nơi khác và chưa được bổ sung tên vào danh sách cử tri ở nơi khác, nếu sau đó cử tri này trở về địa phương nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú) và có nguyện vọng thực hiện quyền bầu cử tại đây thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình thường trú (hoặc nơi tạm trú) gửi lại Giấy chứng nhận đã được cấp và đề nghị được bổ sung vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri để thực hiện quyền bầu cử theo quy định ở khu vực bỏ phiếu nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú).

(iv) Trường hợp đã được phát Thẻ cử tri nhưng sau đó di chuyển đến địa bàn bị cách ly khác với địa bàn cấp xã mà mình đã đăng ký danh sách cử tri mà không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã có tên trong danh sách cử tri: Chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu, cử tri mang Thẻ cử tri đã được phát đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu để đề nghị được bổ sung vào danh sách cử tri và thực hiện quyền bầu cử tại địa bàn mới. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận được đề nghị của cử tri có trách nhiệm thu lại Thẻ cử tri mà cử tri đã được cấp trước đó, bổ sung danh sách cử tri và cấp Thẻ cử tri mới để cử tri tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu phù hợp trên địa bàn, đồng thời thông báo ngay đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã phát Thẻ cử tri cũ để cập nhật vào danh sách cử tri thông tin về việc cử tri bỏ phiếu ở nơi khác.

(v) Trường hợp đã có tên trong danh sách cử tri nhưng chưa nhận được Thẻ cử tri mà có nguyện vọng tham gia bỏ phiếu tại địa bàn cấp xã khác và chưa xin cấp giấy chứng nhận để tham gia bỏ phiếu ở nơi khác: Trường hợp cử tri đã có tên trong danh sách cử tri nhưng chưa nhận được Thẻ cử tri mà nay lại có

nguyện vọng tham gia bỏ phiếu tại địa bàn cấp xã khác nhưng do điều kiện phòng chống dịch bệnh hoặc địa bàn bị phong tỏa, bị chia cắt nên không thể quay về khu vực bỏ phiếu mà mình đã có tên trong danh sách cử tri để xin cấp giấy chứng nhận để tham gia bỏ phiếu ở nơi khác thì có thể đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình có nguyện vọng tham gia bỏ phiếu để đề nghị được bổ sung vào danh sách cử tri và thực hiện quyền bầu cử trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện thuận lợi để cử tri được bổ sung tên vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu phù hợp trên địa bàn và thông báo ngay đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cử tri đã có tên trong danh sách cử tri trước đó để cập nhật vào danh sách cử tri thông tin về việc cử tri bỏ phiếu ở nơi khác.

(vi) Trường hợp công dân bị bắt tạm giam, tạm giữ ở địa phương khác với nơi đã được ghi tên trong danh sách cử tri trong khoảng thời gian 24 giờ trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trại tạm giam, tạm giữ không thực hiện việc bổ sung tên của công dân vào danh sách cử tri.

3. Bốn (04) trường hợp xóa tên trong danh sách cử tri

(1) Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ.

(2) Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(3) Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri;

(4) Cử tri đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu tại nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri. Sau khi cấp giấy chứng nhận, Công an cấp xã loại cử tri ra khỏi danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương trên phần mềm, với lý do: “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

IV. NIÊM YẾT DANH SÁCH CỬ TRI

1. Đối với những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu

Điều 32 Luật Bầu cử quy định: Chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử, cơ quan lập danh sách cử tri niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra.

2. Đối với những địa điểm được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng

Theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV: Đối với các bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ 50 (năm mươi) cử tri trở lên; cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các cơ quan, đơn vị, tổ chức đó đặt trụ sở chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm niêm yết danh sách cử tri.

V. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG THỰC HIỆN CÁC NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC TỔ CHỨC BẦU CỬ VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ VÀ ỨNG DỤNG ĐỊNH DANH QUỐC GIA (VNEID) TRONG QUÁ TRÌNH LẬP DANH SÁCH CỬ TRI, IN THẺ CỬ TRI

1. Thẩm quyền, trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong bầu cử

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử được quy định tại Điều 5 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, cụ thể như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ của mình chỉ đạo tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các nghiệp vụ công tác bầu cử. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nghiệp vụ công tác bầu cử phải vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương, năng lực thực hiện của các thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, vừa phải bảo đảm bảo mật các thông tin, kết quả bầu cử theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định của pháp luật về bầu cử.

b) Trước khi áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nghiệp vụ công tác bầu cử, các địa phương phải xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể, phải tuyệt đối bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu về bầu cử, thực hiện cơ chế vận hành thử nghiệm, kiểm tra hệ thống công nghệ thông tin trước khi thực hiện. Trường hợp áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số liên quan đến cách thức, trình tự bỏ phiếu trong ngày bầu cử, cập nhật kết quả bầu cử, việc kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo xin ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia trước khi thực hiện.

2. Nội dung nghiệp vụ công tác bầu cử cần được tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định 05 nội dung nghiệp vụ công tác bầu cử cần được tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, bao gồm:

- (1) Công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử;
- (2) Cập nhật, báo cáo tình hình, tiến độ bầu cử;
- (3) Việc lập, niêm yết danh sách cử tri, in thẻ cử tri; cập nhật tiến độ cử tri tham gia bỏ phiếu;
- (4) Hỗ trợ việc tổ chức kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu (việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hỗ trợ việc tổ chức kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu phải bảo đảm chính xác và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật về bầu cử);
- (5) Các nội dung khác trong nghiệp vụ công tác bầu cử phù hợp với quy định của pháp luật về bầu cử.

3. Việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) trong quá trình lập danh sách cử tri, in thẻ cử tri phục vụ công tác bầu cử

Theo hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ứng dụng định danh quốc gia (VneID) trong quá trình lập danh sách cử tri phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (được ban hành kèm theo Quyết định số 8202/QĐ-BCA ngày 07/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an), việc lập danh sách cử tri được thực hiện theo các trình tự sau đây:

a) Lập danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân, cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (60 ngày trước ngày bầu cử)

Bước 1: Các đơn vị vũ trang nhân dân, cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc lập danh sách cử tri do mình quản lý gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, chỉ đạo Công an cấp xã cập nhật trên phần mềm Lập danh sách cử tri (sau đây gọi là phần mềm) đối với danh sách cử tri thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân, cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc đăng ký tại địa bàn.

b) Xác định khu vực bỏ phiếu (50 ngày trước ngày bầu cử)

Bước 1: Công an cấp xã kết xuất số lượng cử tri dự kiến tại địa bàn từ phần mềm.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xác định khu vực bỏ phiếu theo tiêu chí bảo đảm số lượng cử tri phù hợp theo quy định và thuận tiện cho cử tri tham gia bầu cử.

c) Lập và niêm yết danh sách cử tri (chậm nhất 40 ngày trước ngày bầu cử)

Bước 1: Công an cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phân chia cử tri tại địa bàn về các khu vực bỏ phiếu đã được UBND cấp xã quyết định theo nguyên tắc tạo thuận lợi cho công dân ở gần khu vực bỏ phiếu và bảo đảm đúng phạm vi tham gia bầu cử, cụ thể như sau: (1) Các trường hợp đưa vào danh sách cử tri bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại địa bàn: cử tri có nơi tạm trú từ 12 tháng trở lên hoặc thường trú tại địa bàn; (2) Các trường hợp chỉ đưa vào danh sách cử tri bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Các trường hợp còn lại.

** Lưu ý:*

(i) Đối với các cử tri được đăng ký theo lực lượng vũ trang, cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được xác định phạm vi tham gia bầu cử dựa theo nơi cư trú của cử tri so với địa bàn đóng quân, cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc của cử tri.

(ii) Cử tri có thời gian tạm trú liên tục từ 12 tháng trở lên trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã được xác định là đủ điều kiện để bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại nơi tạm trú.

(iii) Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

Bước 2: Công an cấp xã thực hiện kết xuất danh sách trên phần mềm gửi Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh sách cử tri theo quy định và thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu chậm nhất 40 ngày trước ngày bầu cử; đồng thời thông báo việc niêm yết danh sách cho công dân trên các phương tiện thông tin đại chúng, loa phát thanh. Thông tin về khu vực bầu cử, phạm vi bầu cử sẽ được tự động gửi đến cử tri trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID dựa theo danh sách đã được phê duyệt (đối với cử tri đã có tài khoản định danh điện tử mức 2).

d) Cập nhật danh sách cử tri (từ khi niêm yết đến trước thời điểm tiến hành bỏ phiếu 24 giờ)

Bước 1: Trong thời gian niêm yết danh sách cử tri, cơ quan, tổ chức và công dân kiểm tra thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, khu vực bỏ phiếu hoặc qua ứng dụng VNeID (trong đó, bao gồm thông tin liên hệ hướng dẫn trong trường

hợp thay đổi nơi bỏ phiếu) và phản ánh trực tiếp về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cử tri hoặc trên ứng dụng VNeID nếu có sai sót hoặc muốn thay đổi nơi bỏ phiếu.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận yêu cầu của các cơ quan, tổ chức và công dân, trường hợp cần cập nhật lại danh sách cử tri thì gửi danh sách cho Công an cấp xã tiếp nhận và cập nhật lại thông tin về danh sách cử tri trên phần mềm, trường hợp từ chối cập nhật bổ sung thì trả lời, nêu rõ lý do.

đ). Khóa tính năng cập nhật danh sách cử tri (trước thời điểm tiến hành bỏ phiếu 24 giờ)

Trước thời điểm tiến hành bỏ phiếu 24 giờ, hệ thống tự động khóa các tính năng cập nhật danh sách cử tri, ngoại trừ tính năng bổ sung danh sách cử tri đối với trường hợp cử tri có giấy chứng nhận bỏ phiếu ở nơi khác, giấy chứng nhận bỏ phiếu ở nơi cư trú của quân nhân bỏ phiếu; và tính năng xóa tên cử tri khỏi danh sách sẽ được mở cho tới thời điểm bỏ phiếu.

Tính từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu thì không thực hiện việc cập nhật danh sách cử tri. Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu được xác định là số cử tri trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu cập nhật đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu.

VI. PHÁT THẺ CỬ TRI VÀ RÀ SOÁT DANH SÁCH CỬ TRI

1. Quy định về việc phát thẻ cử tri và rà soát danh sách cử tri tại các khu vực bỏ phiếu

a) Phát thẻ cử tri

Việc phát thẻ cử tri được quy định tại Điều 11 Thông tư số 21/2025/TT-BNV như sau: Trong khoảng thời gian từ trước 10 ngày đến trước 03 ngày của ngày bầu cử (từ ngày 05 đến ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với bầu cử đúng Ngày bầu cử đã được quy định), Tổ bầu cử phải tiến hành phát Thẻ cử tri cho các cử tri ở khu vực bỏ phiếu.

b) Rà soát thẻ cử tri

Tổ bầu cử phối hợp chặt chẽ với Công an cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện việc rà soát danh sách cử tri trong quá trình phát Thẻ cử tri cho cử tri trên địa bàn, trong đó đặc biệt lưu ý các trường hợp cử tri có yêu cầu đặc biệt (*như cử tri là người khuyết tật, già yếu, đang ốm đau, cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri thuộc diện cách ly, khu vực phong tỏa để phòng, chống dịch bệnh, cử tri ở khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, cử tri đang thực hiện nhiệm vụ ở trên biển, hải đảo*) để

có phương án, kế hoạch cho các cử tri này thực hiện quyền bầu cử (khoản 1 Điều 11 Thông tư số 21/2025/TT-BNV).

2. Quy định về việc phát thẻ cử tri trong một số trường hợp đặc biệt

(1) *Trường hợp theo nguyện vọng của cử tri:* Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử tiến hành việc xác nhận lại nguyện vọng của cử tri, nhất là cử tri là người tạm trú trên địa bàn về việc sẽ bỏ phiếu bầu cử ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri hay bỏ phiếu ở nơi khác. Trường hợp cử tri xác nhận sẽ bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì Tổ bầu cử phát Thẻ cử tri để cử tri thực hiện quyền bầu cử. Trường hợp cử tri đề nghị được bỏ phiếu ở nơi khác thì Tổ bầu cử hướng dẫn cử tri thực hiện thủ tục về việc bỏ phiếu ở nơi khác theo quy định. Những cử tri đã đi bỏ phiếu ở nơi khác thì không được tính vào tổng số cử tri trong danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đã lập danh sách cử tri ban đầu.

(2) *Trường hợp không liên hệ được với cử tri:* Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Trường hợp đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu mà Tổ bầu cử vẫn không thể liên hệ được với cử tri để phát Thẻ cử tri do cử tri có tên trong danh sách không có mặt tại nơi đã đăng ký thường trú (hoặc tạm trú) hoặc không thể liên lạc được bằng các phương tiện liên lạc khác thì Tổ bầu cử thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét việc xóa tên người đó trong danh sách cử tri.

(3) *Trường hợp Thẻ cử tri bị rách, hỏng, mất:* Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Trường hợp đến ngày bầu cử mà Thẻ cử tri bị rách, hỏng hoặc bị mất thì cử tri phải kịp thời báo cáo với Tổ bầu cử. Tổ bầu cử phải thu hồi Thẻ cử tri bị rách, hỏng; đối với trường hợp cử tri bị mất Thẻ cử tri thì Tổ bầu cử phải yêu cầu cử tri viết giấy xác nhận đã mất Thẻ cử tri (kèm theo xuất trình căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác) và đề nghị được cấp Thẻ cử tri mới. Tổ bầu cử có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã để cấp lại Thẻ cử tri cho cử tri do Thẻ cử tri bị rách, hỏng hoặc bị mất. Riêng đối với trường hợp cấp lại Thẻ cử tri do bị mất thì Tổ bầu cử ghi chú tại danh sách cử tri về việc cấp lại Thẻ cử tri do bị mất để theo dõi khi thực hiện bỏ phiếu trong ngày bầu cử, tránh trường hợp người khác nhặt được Thẻ cử tri bị mất để thực hiện việc bỏ phiếu làm ảnh hưởng đến kết quả bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu.

VII. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ KHIẾU NẠI VỀ DANH SÁCH CỬ TRI

1. Điều 33 Luật Bầu cử quy định: Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu phát hiện có sai sót thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh, sách cử tri. Theo đó, cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại của công dân.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải

quyết. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

PHẦN III.

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRƯỚC NGÀY BẦU CỬ CỦA TỔ BẦU CỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG

I. VỀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN TỔ BẦU CỬ

Theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) thực hiện các công việc sau:

- 1.** Tổ trưởng phụ trách chung, trực tiếp chỉ đạo hoạt động trong phòng bỏ phiếu và việc bỏ phiếu, việc kiểm phiếu.
- 2.** Thư ký chịu trách nhiệm quản lý tài liệu, phiếu bầu, con dấu, soạn thảo biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.
- 3.** Thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) chịu trách nhiệm về trang trí phòng bỏ phiếu, trực tiếp chỉ đạo hoạt động ngoài phòng bỏ phiếu và bảo đảm các điều kiện vật chất - kỹ thuật cho ngày bầu cử của Tổ bầu cử.
- 4.** Thành viên Tổ bầu cử chịu trách nhiệm kiểm tra Thẻ cử tri, đối chiếu danh sách cử tri, đánh dấu theo dõi số cử tri đi bầu vào danh sách cử tri, phát phiếu bầu đã được đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri.
- 5.** Thành viên Tổ bầu cử chịu trách nhiệm hướng dẫn cử tri thực hiện đúng nguyên tắc và trình tự, cách thức bỏ phiếu và viết phiếu bầu.
- 6.** Thành viên Tổ bầu cử chịu trách nhiệm trực tại bàn gần hòm phiếu, đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước của Thẻ cử tri khi cử tri đã bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu.
- 7.** Thành viên Tổ bầu cử hướng dẫn cử tri ra, vào phòng bỏ phiếu, nhận phiếu, viết phiếu và bỏ phiếu.
- 8.** Thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) phụ trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa điểm bỏ phiếu.
- 9.** Thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) don đốc, thông báo để các cử tri đi bỏ phiếu.
- 10.** Các công việc khác liên quan đến công tác bầu cử.

II. BỐ TRÍ ĐỊA ĐIỂM BỎ PHIẾU

1. Quy định về việc bố trí, trang trí địa điểm bỏ phiếu

a) Địa điểm bỏ phiếu

Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất ở địa phương như: nhà văn hóa, hội trường, trường học hoặc các địa điểm thuận lợi khác và căn cứ mật độ phân bố dân cư ở khu vực bỏ phiếu, Tổ bầu cử lựa chọn địa điểm bỏ phiếu (phòng bỏ phiếu) cho phù hợp, bảo đảm thuận tiện để cử tri đến bầu cử. Địa điểm bỏ phiếu phải được trang trí trang nghiêm, tiết kiệm; bố trí lối vào cho cử tri bỏ phiếu, khu vực bên trong phòng bỏ phiếu và lối ra cho cử tri sau khi đã bỏ phiếu xong; địa điểm bỏ phiếu phải bảo đảm an ninh, trật tự.

b) Về trang trí, khánh tiết tại địa điểm bỏ phiếu

Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Địa điểm bỏ phiếu gồm: cổng ra - vào, khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu và khu vực bên trong phòng bỏ phiếu. Việc bố trí, trang trí địa điểm bỏ phiếu thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và hướng dẫn sau đây:

(1) Cổng ra - vào và khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu

- Tổ bầu cử sử dụng vật liệu sẵn có ở địa phương để làm cổng ra - vào khu vực bỏ phiếu;

- Khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu là nơi tiếp đón cử tri đến bỏ phiếu; nơi niêm yết danh sách cử tri, thể lệ bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu; nơi tổ chức lễ khai mạc (nơi nào có hội trường rộng thì có thể tổ chức lễ khai mạc ngay trong phòng bỏ phiếu). Tùy điều kiện cụ thể của từng khu vực bỏ phiếu, Tổ bầu cử có thể niêm yết danh sách, tiểu sử những người ứng cử; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân tại nơi để quan sát để cử tri tham khảo trước khi bỏ phiếu.

Khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu có thể bố trí bàn, ghế để cử tri chờ thực hiện việc bỏ phiếu.

(2) Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu

- Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu phải được bố trí trang trọng, đủ bàn, ghế, bút viết và những điều kiện cần thiết để cử tri đến bỏ phiếu;

- Phòng bỏ phiếu phải có lối đi vào, lối đi ra một chiều và theo trật tự nhất định, có thể tham khảo bố trí theo sơ đồ sau: (1) Bắt đầu lối vào là bàn hướng dẫn, bàn để cử tri xuất trình Thẻ cử tri và nhận phiếu bầu; (2) Vị trí bàn để cử tri viết phiếu bầu; (3) Nơi để hòm phiếu; (4) Bàn đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào Thẻ cử tri để xác nhận cử tri đã bỏ phiếu; (5) Lối ra cho cử tri sau khi đã thực hiện xong việc bỏ phiếu;

- Tại phòng bỏ phiếu, Tổ bầu cử niêm yết danh sách, tiêu sử những người ứng cử; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân tại nơi dễ quan sát để cử tri tham khảo trước khi viết phiếu bầu;

- Nơi cử tri viết phiếu bầu cần bố trí các bàn có vách ngăn hoặc phòng kín để bảo đảm nguyên tắc cử tri “bỏ phiếu kín” theo quy định của pháp luật về bầu cử.

c) Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tại địa điểm bỏ phiếu

Theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, Tổ trưởng Tổ bầu cử phải phân công thành viên Tổ bầu cử luân phiên trực bảo vệ địa điểm bỏ phiếu cả ngày và đêm trước, trong ngày bầu cử và cho đến khi kết thúc việc bỏ phiếu; tổng hợp, lập biên bản kiểm phiếu gửi đến Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

III. HÒM PHIẾU, TÀI LIỆU, PHIẾU BẦU

1. Hòm phiếu

a) Theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, việc chuẩn bị hòm phiếu, số lượng, kích cỡ hòm phiếu tùy theo số lượng cử tri ở khu vực bầu cử, đặc điểm, điều kiện của từng địa phương theo hướng dẫn của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh. Hòm phiếu được đóng mới hoặc sử dụng hòm phiếu bầu cử hiện có. Hòm phiếu phải bảo đảm chắc chắn, trang trí sạch đẹp, phía mặt trước của hòm phiếu có dán hình Quốc huy, phía dưới có dòng chữ “HÒM PHIẾU”. Ngoài hòm phiếu chính, Tổ bầu cử phải chuẩn bị các hòm phiếu phụ (hòm phiếu lưu động) và băng niêm phong hòm phiếu.

b) Đối với những khu vực bỏ phiếu có tính chất đặc thù riêng như tại các giàn khoan, công trình biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển hoặc các đặc thù khác, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan và Tổ bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu có tính chất đặc thù chuẩn bị đầy đủ các hòm phiếu phụ, phiếu bầu cử để thực hiện tốt việc bỏ phiếu của cử tri.

2. Nhận và quản lý tài liệu liên quan đến công tác bầu cử

a) Nhận tài liệu liên quan đến công tác bầu cử

Theo Điều 15 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, Tổ bầu cử phân công thành viên nhận 10 loại tài liệu sau đây từ Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban bầu cử:

(1) Thẻ cử tri theo danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu và phát cho cử tri trước ngày bầu cử theo quy định của pháp luật về bầu cử.

(2) Nhận đủ số lượng phiếu bầu theo danh sách cử tri và số lượng phiếu bầu dự phòng. Khi nhận phiếu bầu phải có biên bản bàn giao giữa người giao và người nhận về số lượng cụ thể của từng loại phiếu bầu. Tổ bầu cử kiểm tra kỹ phiếu bầu, về số lượng đại biểu được bầu ở đơn vị bầu cử, danh sách họ và tên những ứng cử

viên đúng với khu vực bỏ phiếu của tổ mình và phải quản lý chặt chẽ số lượng các loại phiếu bầu.

(3) Con dấu của Tổ bầu cử và con dấu “Đã bỏ phiếu”.

(4) Các loại biên bản, biểu mẫu của Tổ bầu cử theo quy định.

(5) Danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu.

(6) Danh sách và tiểu sử tóm tắt của những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại khu vực bỏ phiếu.

(7) Nội quy phòng bỏ phiếu, thể lệ bầu cử, mẫu diễn văn khai mạc, tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân.

(8) Phù hiệu của các thành viên Tổ bầu cử.

(9) Văn phòng phẩm (bút, giấy, kéo, thước kẻ, keo dán, hộp mực con dấu,...).

(10) Các tài liệu khác liên quan đến bầu cử theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

b) Quản lý tài liệu, phiếu bầu cử

Điều 18 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Sau khi nhận được tài liệu, phiếu bầu cử từ Ban bầu cử, Tổ trưởng Tổ bầu cử phải phân công cụ thể các thành viên quản lý chặt chẽ tài liệu, phiếu bầu cử. Tổ bầu cử phải lập sổ quản lý phiếu bầu cử, trong đó theo dõi số phiếu nhận, số phiếu phát, số phiếu thu hồi, số phiếu niêm phong, bảo quản theo quy định. Trường hợp phát hiện tài liệu, phiếu bầu cử bị mất thì Tổ bầu cử phải lập biên bản và báo cáo ngay Ban bầu cử để có biện pháp xử lý kịp thời.

IV. NỘI QUY PHÒNG BỎ PHIẾU VÀ THẺ LỆ BẦU CỬ

1. Nội quy phòng bỏ phiếu

Nội quy phòng bỏ phiếu được quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các loại mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031; bao gồm 8 nội dung sau:

(1) Phải chấp hành đúng nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu;

(2) Cử tri phải xếp hàng lần lượt để thực hiện việc bỏ phiếu, ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật và phụ nữ có thai;

(3) Phải giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn tại khu vực bỏ phiếu; nghiêm cấm mọi hành vi phá hoại cơ sở vật chất, tài sản, gây rối tại khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu;

(4) Không được vận động bầu cử tại nơi bỏ phiếu bằng bất kỳ hình thức nào;

(5) Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy, tài liệu, băng rôn khẩu hiệu có nội dung xấu, độc, tuyên truyền quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu;

(6) Những người không có nhiệm vụ thì không được vào phòng bỏ phiếu;

(7) Thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, những người có nhiệm vụ phục vụ bầu cử phải đeo phù hiệu theo mẫu do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố quy định; thành viên Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và giải đáp thắc mắc của cử tri;

(8) Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép, cản trở việc bầu cử của công dân, vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Thẻ lệ bầu cử

a) Về thẩm quyền

Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Ủy ban bầu cử cấp tỉnh căn cứ quy định của pháp luật về bầu cử (bao gồm các nội dung hướng dẫn về thể lệ bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia tại kỳ bầu cử trước đây) và tình hình cụ thể tại địa phương để chủ động biên soạn thể lệ bầu cử (bảo đảm ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ) gửi các Tổ bầu cử niêm yết công khai tại phòng bỏ phiếu để tạo điều kiện thuận tiện cho cử tri dễ tiếp cận, nghiên cứu, tìm hiểu trong quá trình bỏ phiếu.

b) Một số nội dung cơ bản của thể lệ bầu cử

(1) Về nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu

- Việc bỏ phiếu bắt đầu từ 07 giờ sáng đến 07 giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước 05 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá 09 giờ tối cùng ngày;

- Khi bầu cử, cử tri phải xuất trình Thẻ cử tri;

- Mỗi cử tri có quyền bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân mà mình được tham gia bầu cử;

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay. Trường hợp cử tri không thể tự viết phiếu bầu thì nhờ người khác viết phiếu hộ

nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Người khuyết tật không thể tự mình bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu;

- Cử tri không bầu cho ai trong phiếu bầu thì gạch giữa cả dòng chữ họ và tên của người mà mình không bầu (gạch đè lên dòng chữ họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử hoặc gạch xóa hết tên những người ứng cử trong phiếu bầu;

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử. Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác;

- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước, phía trên, góc trái của Thẻ cử tri. Thẻ cử tri chỉ có giá trị cho 01 lần bỏ phiếu.

(2) Quy định về phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;
- Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;
- Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;
- Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

V. RÀ SOÁT, KIỂM TRA CÁC CÔNG VIỆC VÀ THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN TRƯỚC NGÀY BẦU CỬ CỦA TỔ BẦU CỬ

1. Về rà soát, kiểm tra công việc

Theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, trước ngày bầu cử 10 ngày, Tổ bầu cử phải thường xuyên thực hiện việc rà soát, kiểm tra lại toàn bộ các loại phương tiện vật chất - kỹ thuật phục vụ bầu cử tại khu vực bỏ phiếu, bao gồm **09 nội dung cơ bản** sau đây:

(1) Phòng bỏ phiếu;

(2) Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp kèm theo tiểu sử tóm tắt của từng người ứng cử;

(3) Phiếu bầu cử bảo đảm đúng đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu, đúng họ và tên nêu tại danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu;

(4) Các con dấu của Tổ bầu cử;

(5) Hòm phiếu chính và các hòm phiếu phụ (nếu có);

(6) Các biên bản, biểu mẫu của Tổ bầu cử;

(7) Thành phần dự lễ khai mạc, diễn văn khai mạc và các văn phòng phẩm phục vụ việc bầu cử;

(8) Rà soát danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu, trong đó cần xác định rõ số cử tri là người khuyết tật, già yếu, đang ốm đau không thể trực tiếp đi bỏ phiếu; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly do dịch bệnh (nếu có); những khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn để có kế hoạch chuẩn bị phiếu bầu cử và mang hòm phiếu phụ đến cơ sở, địa điểm nêu trên để cử tri thực hiện quyền bầu cử. Đồng thời, Tổ bầu cử phải có các biện pháp thích hợp như niêm yết, phát thanh, thông báo hoặc gửi thông tin về danh sách chính thức những người ứng cử để các cử tri có đủ thông tin lựa chọn người xứng đáng làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

(9) Các phương tiện vật chất - kỹ thuật khác phục vụ cho ngày bầu cử của Tổ bầu cử.

2. Về công tác thông tin, tuyên truyền

a) Theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, Tổ bầu cử phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã có các hình thức thông tin, tuyên truyền rộng rãi để cử tri nắm bắt được các quy định của pháp luật về bầu cử; tạo điều kiện thuận lợi nhất và bảo đảm để tất cả cử tri đều thực hiện được quyền bầu cử của mình.

b) Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri tại khu vực bỏ phiếu biết về ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng các hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương.

PHẦN IV.

CÁC CÔNG VIỆC TRONG NGÀY BẦU CỬ CỦA TỔ BẦU CỬ

I. TỔ CHỨC LỄ KHAI MẠC BẦU CỬ VÀ THỜI GIAN BỎ PHIẾU

1. Tổ chức lễ khai mạc

a) Công việc cần chuẩn bị

Theo Điều 20 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, các thành viên Tổ Bầu cử phải đến sớm trước giờ khai mạc để kiểm tra công tác chuẩn bị, bảo đảm thời gian khai mạc đúng giờ quy định. Sau khi đã kiểm tra đầy đủ các điều kiện cần thiết cho ngày bầu cử, Tổ bầu cử mới tổ chức lễ khai mạc và tiến hành việc bỏ phiếu.

b) Thành phần, trình tự tổ chức (Điều 21 Thông tư số 21/2025/TT-BNV)

(1) *Thành phần tham dự lễ khai mạc bao gồm:* Các thành viên Tổ bầu cử, những người có nhiệm vụ liên quan đến công tác bầu cử; Đại diện cơ quan đảng, chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể ở địa phương; Đại diện cử tri là người có công với cách mạng, chức sắc tôn giáo (nếu có); cử tri là người cao tuổi, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Cử tri đến dự lễ khai mạc; Phóng viên báo, đài (nếu có).

(2) Trình tự tổ chức lễ khai mạc:

Lễ khai mạc phải được tổ chức trang trọng, thời gian khoảng 15 đến 20 phút, do Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì theo nội dung và trình tự sau:

(i) Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu;

(ii) Đọc diễn văn khai mạc;

(iii) Đọc thể lệ bầu cử; nội quy phòng bỏ phiếu;

(iv) Kiểm tra hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ trước sự chứng kiến của cử tri; mời 02 cử tri không phải là những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ứng cử tại khu vực bỏ phiếu chứng kiến việc kiểm tra hòm phiếu, sau đó niêm phong hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ theo quy định.

Sau khi thực hiện thủ tục niêm phong hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố cuộc bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 bắt đầu.

Tổ bầu cử phải bố trí thành viên Tổ bầu cử thường trực bên hòm phiếu làm nhiệm vụ hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và bảo vệ hòm phiếu.

II. TIẾN HÀNH BỎ PHIẾU

1. Thời gian bỏ phiếu

Theo quy định tại Điều 71 Luật Bầu cử, việc bỏ phiếu bắt đầu từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối cùng ngày.

2. Cách thức tiến hành bỏ phiếu và những nội dung cần lưu ý

a) Cách thức tiến hành bỏ phiếu

(1) Thứ tự bỏ phiếu

Điều 22 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Khi bắt đầu việc bỏ phiếu, Tổ bầu cử mời những cử tri có tên trong danh sách cử tri là lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người có công với cách mạng, chức sắc tôn giáo (nếu có) và cử tri là người cao tuổi nhất, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có) có mặt tại thời điểm khai mạc bỏ phiếu trước.

(2) Cách thức tiến hành và các nội dung cần hướng dẫn

- Việc bỏ phiếu được tiến hành liên tục. Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo, hướng dẫn cử tri thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bầu cử, thể lệ bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu; hướng dẫn cử tri cách thức bỏ phiếu và gạch phiếu bầu; đôn đốc cử tri tích cực thực hiện quyền và nghĩa vụ bầu cử của công dân.

- Khi đến phòng bỏ phiếu, cử tri xuất trình Thẻ cử tri để được nhận phiếu bầu. Mỗi cử tri có quyền bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân mà mình được tham gia bầu cử. Thành viên Tổ bầu cử hướng dẫn cụ thể cử tri cách thức bỏ phiếu. Nếu cử tri không tín nhiệm người ứng cử nào (không bầu cho người có tên trong phiếu bầu cử) thì gạch ngang cả họ và tên người ứng cử đó (gạch đè lên cả hàng chữ họ và tên người ứng cử); không được khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, không được ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không bầu (không để lại) quá số đại biểu được ấn định trong phiếu bầu; không gạch tắt cả người ứng cử trong phiếu bầu; không để nguyên phiếu bầu (không gạch bất kỳ tên người ứng cử nào) đối với phiếu bầu có số dư người ứng cử. Nếu cử tri yêu cầu đổi phiếu bầu khác do viết hỏng, Tổ bầu cử phải thu hồi phiếu viết hỏng của cử tri, sau đó mới được phát phiếu bầu khác.

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả các thành viên Tổ bầu cử. Nếu cử tri viết phiếu bầu bị nhầm hoặc bị hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác, Tổ bầu cử phải thu hồi phiếu viết hỏng của cử tri, sau đó mới được phát phiếu bầu khác. Cử tri không thể tự viết phiếu bầu thì nhờ người khác viết phiếu hộ nhưng phải tự mình bỏ phiếu (Người viết phiếu hộ phải đọc đầy đủ họ và tên những người ứng cử trên phiếu bầu để cử tri tự mình quyết định. Người viết hộ phiếu bầu phải ghi trung thực ý muốn của cử tri nhờ viết hộ và bảo đảm bí mật

phiếu bầu. Khi viết hộ phiếu bầu xong phải giao lại phiếu bầu cho cử tri để cử tri tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu); Người khuyết tật, người già yếu hoặc các trường hợp khác mà không thể bỏ phiếu vào hòm phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu hộ, bầu thay. Trường hợp cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu. Trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

- Trong khi tiến hành bỏ phiếu, nếu có tình huống bất thường xảy ra làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử và các thành viên Tổ bầu cử phải nhanh chóng hội ý để kịp thời xử lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc không thể tự xử lý được thì phải tạm dừng cuộc bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải tiến hành niêm phong và quản lý chặt chẽ hòm phiếu, phiếu bầu và các tài liệu liên quan khác, kịp thời báo cáo Ban bầu cử để có phương án giải quyết, đồng thời phải có biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục tiến hành.

- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử phải đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước, phía trên, góc trái của Thẻ cử tri của cử tri đã bỏ phiếu bầu xong. Thẻ cử tri chỉ có giá trị cho 01 lần bỏ phiếu.

b) Một số điểm cần lưu ý trong ngày bầu cử

Theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, một số điểm cần lưu ý trong ngày bầu cử như sau:

(1) Căn cứ vào quy mô, số lượng cử tri ở từng khu vực bỏ phiếu và đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã và Tổ bầu cử xây dựng kế hoạch, lịch trình bỏ phiếu để chủ động điều tiết, phân chia thời gian bỏ phiếu của cử tri ở từng thôn, tổ dân phố, cụm dân cư, nhóm hộ gia đình,... và thông báo rộng rãi cho cử tri thuộc khu vực bỏ phiếu biết, bảo đảm tại cùng một thời điểm trong ngày bầu cử không tập trung quá đông người ở phòng bỏ phiếu.

(2) Trong quá trình diễn ra cuộc bỏ phiếu, các thành viên Tổ bầu cử phải ân cần, lịch sự, hướng dẫn tận tình, chu đáo cho cử tri đến tham gia bỏ phiếu. Các thành viên Tổ bầu cử được phân công đảm nhiệm từng công việc trong ngày bầu cử phải chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công và hỗ trợ thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ chung của Tổ bầu cử.

(3) Khi cử tri có Thẻ cử tri và Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc do Chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân cấp đề nghị, nếu tên của cử tri này chưa có trong danh sách bổ sung của Ủy ban nhân dân cấp xã tại khu vực bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải hướng dẫn người đó đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để bổ sung vào danh sách cử tri. Việc bổ sung danh sách cử tri phải đúng với địa điểm do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc do Chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân cấp đề nghị tại Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác.

Danh sách cử tri bổ sung phải xác định rõ những người này được bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Sau khi có danh sách cử tri bổ sung do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận, Tổ bầu cử mới được phát phiếu bầu cho những cử tri này; khi những cử tri này đã bỏ phiếu xong thì Tổ bầu cử phải đóng dấu “Đã bỏ phiếu” lên mặt trước của Thẻ cử tri và Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác. Tổ bầu cử phải ghi danh sách cử tri bổ sung để theo dõi riêng và tổng hợp số liệu sau khi kết thúc việc bỏ phiếu.

(4) Trường hợp phải sử dụng hòm phiếu phụ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử chịu trách nhiệm kiểm tra số lượng phiếu bầu khi phát ra cho thành viên Tổ bầu cử để mang theo cùng với hòm phiếu phụ đến các cử tri là người khuyết tật, ốm đau, già yếu; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly xã hội do dịch bệnh (nếu có) tại cơ sở cách ly hoặc nơi ở, nơi lưu trú của cử tri đang được cách ly; những khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo để thực hiện việc bỏ phiếu do không đến được phòng bỏ phiếu. Sau khi những cử tri này bỏ phiếu xong, thành viên Tổ bầu cử phải mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu.

(5) Việc phát phiếu bầu cho cử tri và tổ chức để cử tri bỏ phiếu đối với trường hợp cử tri đang bị cách ly xã hội do dịch bệnh (nếu có) phải được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về bầu cử, đồng thời, bảo đảm đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế và quy định của cơ quan có thẩm quyền. Sau khi hoàn thành việc bỏ phiếu, các thành viên Tổ bầu cử phải thực hiện việc khử khuẩn hòm phiếu phụ và mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu theo quy định.

(6) Trường hợp việc sử dụng hòm phiếu phụ đối với các cử tri tại khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo, sau khi các cử tri bỏ phiếu xong nhưng do các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn dẫn đến khu vực bị chia cắt nên việc mang hòm phiếu phụ đến phòng bỏ phiếu không thể hoàn thành được trong ngày bầu cử (hoặc ngày bầu cử sớm đã được ấn định) thì các thành viên Tổ bầu cử phụ trách hòm phiếu phụ được phép thực hiện việc kiểm phiếu tại khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo theo quy định của Luật Bầu cử, hướng dẫn tại Thông tư số 21/2025/TT-BNV và báo cáo kết quả kiểm phiếu bằng điện báo, điện thoại, các hình thức phù hợp khác cho Tổ trưởng Tổ bầu cử. Các thành viên Tổ bầu cử phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về kết quả kiểm phiếu; nộp hòm phiếu phụ, phiếu bầu cử cùng kết quả kiểm phiếu bầu cử ở hòm phiếu phụ ngay sau khi về phòng bỏ phiếu.

(7) Tổ bầu cử không được để những người không có nhiệm vụ (trừ các cử tri) vào phòng bỏ phiếu. Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy, tài liệu, băng rôn, khẩu hiệu có nội dung xấu, độc, tuyên truyền quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu.

(8) Cử tri có quyền quay phim, chụp hình ở phía ngoài phòng bỏ phiếu trong quá trình mình tham gia thực hiện quyền bỏ phiếu bầu cử, nhưng phải bảo đảm được thực hiện một cách có thiện chí, không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử, không cản trở việc bỏ phiếu của cử tri và không vi phạm nội quy phòng bỏ phiếu (chỉ được quay phim, chụp hình ở trong phòng bỏ phiếu nếu được Tổ trưởng Tổ bầu cử đồng ý và phải bảo đảm bảo mật thông tin bỏ phiếu của các cử tri khác trong suốt quá trình bỏ phiếu). Trường hợp việc quay phim, chụp hình làm cản trở, ảnh hưởng đến cuộc bầu cử thì Tổ trưởng Tổ bầu cử được quyền yêu cầu dừng việc quay phim, chụp hình tại khu vực bỏ phiếu và phòng bỏ phiếu.

III. KẾT THÚC VIỆC BỎ PHIẾU VÀ TỔ CHỨC KIỂM PHIẾU

1. Kết thúc việc bỏ phiếu và mở hòm phiếu

Điều 24 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Sau khi đã hết giờ bỏ phiếu theo quy định thì Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc việc bỏ phiếu. Tiếp theo, Tổ bầu cử phải thống kê, niêm phong phiếu bầu chưa sử dụng và phiếu bầu do cử tri viết hỏng (nếu có), lập biên bản thống kê việc sử dụng phiếu bầu cử theo biểu mẫu của Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành; toàn bộ phiếu bầu chưa sử dụng, phiếu bầu do cử tri viết hỏng sau khi niêm phong được gửi đến Ủy ban nhân

dân cấp xã quản lý. Đồng thời, Tổ trưởng Tổ bầu cử mời 02 cử tri là người biết chữ, có uy tín trong Nhân dân tại địa bàn và không phải là những người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại khu vực bỏ phiếu đó chứng kiến việc mở hòm phiếu. Sau đó, Tổ trưởng Tổ bầu cử mở hòm phiếu chính và hòm phiếu phụ (nếu có) để tiến hành việc kiểm phiếu.

2. Tiến hành công tác kiểm phiếu

a) Một số nội dung cần lưu ý trước khi tiến hành kiểm phiếu

(1) Chỉ những thành viên Tổ bầu cử mới được tiến hành việc kiểm phiếu bầu cử. Tổ bầu cử phải hoàn thành việc kiểm phiếu trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi kết thúc việc bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu.

(2) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bầu cử kết thúc, trừ trường hợp sử dụng hòm phiếu phụ đối với các cử tri tại khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo, sau khi các cử tri bỏ phiếu xong nhưng do các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn dẫn đến khu vực bị chia cắt nên việc mang hòm phiếu phụ đến phòng bỏ phiếu không thể hoàn thành được trong ngày bầu cử (hoặc ngày bầu cử sớm đã được ấn định).

(3) Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu; các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu của Tổ bầu cử, nhưng phải đảm bảo khoảng cách an toàn để Tổ bầu cử thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu. Việc đăng ký tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu được thực hiện theo khoản 6 Điều 24 Thông tư số 21/2025/TT-BNV như sau:

(i) Người ứng cử xuất trình Thẻ Căn cước hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử xuất trình văn bản phân công, chỉ định hoặc giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức đơn vị và Thẻ Căn cước hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; người được ủy nhiệm xuất trình giấy ủy quyền và Thẻ Căn cước hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; phóng viên báo chí xuất trình thẻ nhà báo còn hiệu lực và văn bản phân công hoặc giấy giới thiệu của cơ quan báo chí với Tổ trưởng Tổ bầu cử.

(ii) Trong quá trình chứng kiến việc kiểm phiếu, nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền khiếu nại, tố cáo tại chỗ với Tổ bầu cử. Những khiếu nại, tố cáo tại chỗ về những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong việc kiểm phiếu do Tổ bầu cử nhận, giải quyết và ghi nội dung giải quyết vào biên bản. Trong trường hợp Tổ bầu cử không giải quyết được

thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ bầu cử vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban bầu cử.

(iii) Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có trách nhiệm liên hệ trước với Tổ bầu cử về việc tham dự chứng kiến kiểm phiếu; quan sát quá trình Tổ bầu cử thực hiện việc kiểm phiếu từ vị trí đã được Tổ bầu cử bố trí; tuân thủ các quy định của pháp luật, nội quy phòng bỏ phiếu và sự hướng dẫn của Tổ bầu cử; bảo đảm an toàn, trật tự, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo với Tổ bầu cử nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình kiểm phiếu.

Phóng viên báo chí có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về báo chí, nội quy phòng bỏ phiếu và sự hướng dẫn của Tổ bầu cử trong quá trình tác nghiệp; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử; đưa tin, bài kịp thời, trung thực, chính xác về quá trình kiểm phiếu bầu cử để góp phần vào công tác thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Phóng viên báo chí nước ngoài có nhu cầu tham dự, đưa tin về hoạt động trong ngày bầu cử tại Việt Nam thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm, phóng viên báo chí tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu. Bố trí vị trí quan sát, chứng kiến thuận lợi nhưng không làm ảnh hưởng đến hoạt động kiểm phiếu của Tổ bầu cử; giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc kiểm phiếu (nếu có) và ghi nội dung giải quyết vào biên bản. Trường hợp không giải quyết được thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ bầu cử vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban bầu cử có liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo. Tổ trưởng Tổ bầu cử có quyền yêu cầu người chứng kiến kiểm phiếu, phóng viên báo chí ra khỏi khu vực kiểm phiếu nếu người chứng kiến kiểm phiếu, phóng viên báo chí có hành vi vi phạm nội quy phòng bỏ phiếu, gây mất an toàn, trật tự, làm ảnh hưởng đến hoạt động của Tổ bầu cử.

(4) Trường hợp việc sử dụng hòm phiếu phụ đối với các cử tri tại khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo: Sau khi các cử tri bỏ phiếu xong nhưng do các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn dẫn đến khu vực bị chia cắt nên việc mang hòm phiếu phụ đến phòng bỏ phiếu không thể hoàn thành được trong ngày bầu cử (hoặc ngày bầu cử sớm đã được ấn định) thì các thành viên Tổ bầu cử phụ trách hòm phiếu phụ được phép thực hiện việc kiểm phiếu tại

khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo kết quả kiểm phiếu bằng điện báo, điện thoại, các hình thức phù hợp khác cho Tổ trưởng Tổ bầu cử. Các thành viên Tổ bầu cử phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về kết quả kiểm phiếu; nộp hòm phiếu phụ, phiếu bầu cử cùng kết quả kiểm phiếu bầu cử ở hòm phiếu phụ ngay sau khi về phòng bỏ phiếu.

b) Quy trình tiến hành kiểm phiếu

(1) Phân công nhiệm vụ kiểm phiếu cho các thành viên Tổ bầu cử

- Theo Điều 25 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các thành viên Tổ bầu cử thành các nhóm để thực hiện việc kiểm phiếu. Thư ký Tổ bầu cử tiến hành lập các biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử. Đối với Tổ bầu cử đủ số lượng thành viên để phân thành từ ba nhóm trở lên thì phân công thực hiện thành 03 nhóm kiểm phiếu như sau: (1) Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội; (2) Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (3) Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

(Để việc kiểm phiếu được chính xác, mỗi nhóm nên bố trí 03 người, gồm: 01 người đọc kết quả phiếu bầu, 01 người ghi (tích) vào danh sách kiểm phiếu và 01 người kiểm tra việc đọc và ghi. Đối với Tổ bầu cử không đủ số lượng thành viên để phân thành ba nhóm thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã cho phù hợp).

(2) Phân loại phiếu bầu

- Theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, việc phân loại phiếu bầu được thực hiện như sau: Tổ bầu cử thực hiện việc phân loại phiếu bầu theo màu phiếu bầu đại biểu Quốc hội, màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; kiểm kê (đếm) tổng số phiếu trong hòm phiếu để xác định số phiếu thu vào và bàn giao các loại phiếu cho các nhóm đã được phân công của Tổ bầu cử để bắt đầu việc kiểm phiếu. Tổ bầu cử tiến hành kiểm tra tổng số phiếu thu vào so với tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu. Nếu tổng số phiếu thu vào bằng hoặc ít hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử mới được tiến hành kiểm phiếu. Trường hợp tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải kiểm tra lại; nếu kiểm tra lại vẫn cho kết quả tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì lập tức bỏ các phiếu bầu vào hòm phiếu, sau đó niêm phong hòm phiếu và báo cáo ngay để Ban bầu cử giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban bầu cử thì Ban bầu cử phải kịp thời báo cáo Ủy ban bầu cử cùng cấp xem xét, quyết định.

- Trước khi bắt đầu việc kiểm phiếu, Tổ bầu cử thực hiện phân loại phiếu bầu thành hai loại sau: Loại phiếu bầu hợp lệ và Loại phiếu bầu không hợp lệ. Sau khi phân loại xong phiếu bầu, Tổ bầu cử phải ghi kết quả kiểm tra số phiếu bầu hợp lệ, số phiếu bầu không hợp lệ vào biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

c) Xác định phiếu bầu hợp lệ, phiếu bầu không hợp lệ, phiếu bầu hoặc không bầu cho người ứng cử

(1) *Phiếu bầu hợp lệ*: là phiếu phải đáp ứng đủ 03 yêu cầu sau đây: (i) Phiếu do Tổ bầu cử phát ra và có dấu của Tổ bầu cử; (ii) Phiếu bầu đủ số lượng đại biểu hoặc bầu ít hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử; (iii) Phiếu không ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu không có ghi thêm nội dung khác (khoản 1 Điều 27 Thông tư số 21/2025/TT-BNV).

(2) *Phiếu bầu không hợp lệ*: là những phiếu bầu thuộc 05 trường hợp sau đây: (i) Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra; (ii) Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử; (iii) Phiếu đề số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử; (iv) Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử; (v) Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác (khoản 1 Điều 74 của Luật Bầu cử).

Trường hợp có phiếu bầu được cho là không hợp lệ thì Tổ bầu cử không được gạch xóa hoặc sửa các tên ghi trên phiếu bầu, đồng thời Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ bầu cử xem xét đối với các phiếu bầu được xác định là phiếu bầu không hợp lệ trong 04 trường hợp sau đây: (i) Phiếu có ghi thêm nội dung khác hoặc bị đánh dấu trên phiếu bầu; (ii) Phiếu mà việc gạch tên đề lên hàng chữ họ và tên của người ứng cử quá mờ không thể nhận biết rõ ràng; (iii) Phiếu bị hư, hỏng dẫn đến việc không thể xác định chính xác việc bầu cho những người ứng cử có ghi tên trên phiếu bầu; (iv) Các trường hợp khác do Tổ trưởng Tổ bầu cử đề xuất.

(3) Xác định Phiếu bầu hoặc không bầu cho người ứng cử:

Việc xác định phiếu bầu hoặc không bầu được quy định tại khoản 4 Điều 27 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, cụ thể như sau:

- Trường hợp phiếu bầu gạch chéo, gạch xiên, gạch dọc hoặc gạch ngang nhưng gạch hết tất cả hàng chữ họ và tên của người ứng cử: thì được tính là phiếu không bầu cho ứng cử viên đó;

- Trường hợp cử tri không gạch cả hàng chữ họ và tên (chỉ gạch họ hoặc gạch tên đệm hoặc tên) của người ứng cử hoặc chỉ khoanh tròn, gạch dưới, gạch trên hàng chữ họ và tên của người ứng cử thì phiếu đó vẫn được tính là phiếu bầu cho người ứng cử đó;

- Trường hợp trong phiếu bầu cử mà người ứng cử vừa có tên khai sinh vừa có tên thường gọi hoặc có chức vị, pháp danh, pháp hiệu theo tôn giáo, nếu cử tri

chỉ gạch một dòng họ và tên khai sinh hoặc họ và tên thường gọi (chỉ gạch 1 dòng họ và tên khai sinh hoặc chức vị, pháp danh, pháp hiệu đối với chức sắc tôn giáo) thì phiếu đó được tính là phiếu không bầu cho người ứng cử đó.

(4) *Kiểm đếm số phiếu bầu cho từng người ứng cử:* Việc kiểm phiếu bầu cho từng người ứng cử chỉ thực hiện đối với những phiếu bầu hợp lệ. Tổ bầu cử kiểm phiếu theo từng loại phiếu bầu để làm căn cứ xác định số phiếu bầu cho từng người ứng cử. Các phiếu bầu hợp lệ được xếp thành các loại, gồm: Loại phiếu bầu 01 đại biểu; loại phiếu bầu 02 đại biểu; loại phiếu bầu 03 đại biểu,... Cách ghi số phiếu cho từng người ứng cử tham khảo theo cách vẽ lần lượt các hình vuông và một đường chéo, cứ 05 phiếu tạo thành một hình vuông có một đường chéo (Điều 28 Thông tư số 21/2025/TT-BNV).

(5) *Niêm phong và quản lý phiếu bầu sau khi kiểm phiếu:* Theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, sau khi kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, Tổ bầu cử tiến hành niêm phong phiếu bầu theo từng loại phiếu bầu đại biểu Quốc hội, phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp như: Số phiếu bầu hợp lệ; Số phiếu bầu không hợp lệ; Số phiếu bầu không sử dụng đến, phiếu viết hỏng của cử tri. Toàn bộ số phiếu đã được niêm phong ở trên phải được Tổ bầu cử cho vào hòm phiếu và làm thủ tục niêm phong hòm phiếu có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, lưu trữ theo quy định, việc bàn giao hòm phiếu phải có biên bản giao nhận.

Ủy ban nhân dân cấp xã: có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, lưu trữ các loại phiếu bầu, hòm phiếu của các Tổ bầu cử ở địa phương mình. Trong thời gian quản lý hòm phiếu (bao gồm các loại phiếu bầu) theo quy định pháp luật về lưu trữ (ít nhất là 05 năm) nếu không có ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền thì tuyệt đối không được mở và kiểm tra phiếu bầu đã được niêm phong trong hòm phiếu. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: chỉ đạo thực hiện việc số hóa hồ sơ, tài liệu bầu cử sau khi tiếp nhận để phục vụ công tác tra cứu, khai thác, sử dụng về sau, bảo đảm nguyên tắc an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo quy định.

(6) *Lập biên bản kết quả kiểm phiếu của Tổ bầu cử:* Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của Tổ bầu cử thực hiện theo mẫu số 18/HĐBC-QH kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29/9/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các loại mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Việc tổng hợp kết quả kiểm phiếu từ các khu vực bỏ phiếu (bao gồm cả các khu vực bỏ phiếu sớm) do các Tổ bầu cử gửi đến để lập biên bản xác nhận kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử chỉ được Ban bầu cử tiến hành sau ngày 15 tháng 3 năm 2026, trừ trường hợp toàn bộ khu vực bỏ phiếu của một đơn vị bầu cử đều được Hội đồng bầu cử quốc gia cho phép thực hiện bỏ phiếu sớm và đã hoàn thành việc bỏ phiếu sớm.

Sau khi nhận, kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu của các Tổ bầu cử và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ban bầu cử lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử của mình theo mẫu số 19/HĐBC-QH kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các loại mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031.

c) Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử: được lập thành ba bản, có chữ ký của Trưởng ban, các Phó Trưởng Ban bầu cử. Biên bản được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh chậm nhất là 05 ngày sau bầu cử (Khoản 3 Điều 77 Luật Bầu cử).

d) Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử: được lập thành bốn bản, có chữ ký của Trưởng ban, các Phó Trưởng Ban bầu cử. Biên bản được gửi đến Ủy ban bầu cử cùng cấp, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chậm nhất là 05 ngày sau ngày bầu cử (Khoản 4 Điều 77 Luật Bầu cử).

3. Về việc tổ chức bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu sớm

Theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, việc tổ chức bầu cử sớm ở các khu vực bỏ phiếu sớm được thực hiện như sau:

a) Trường hợp phải tổ chức bỏ phiếu sớm cho cử tri do đặc thù như thực hiện nhiệm vụ, công việc trên biển, hải đảo hoặc do các đặc thù khác thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh có văn bản báo cáo xin ý kiến đồng ý của Hội đồng bầu cử quốc gia.

b) Ngay sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia có văn bản đồng ý thực hiện việc bỏ phiếu sớm, đề nghị chính quyền địa phương và các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương có tổ chức bỏ phiếu sớm khẩn trương ban hành kế hoạch, phương án tổ chức việc bỏ phiếu sớm và đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về bầu cử. Các Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri thuộc khu vực bỏ phiếu sớm biết về ngày bầu cử sớm đã được Hội đồng bầu cử quốc gia xác định, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng hình thức niêm yết, phát thanh và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương. Các tổ chức phụ trách bầu cử phải rà soát lại toàn bộ các công việc cần thực hiện trước, trong và sau ngày bầu cử, bảo đảm thời gian hoàn thành đúng quy định của pháp luật.

c) Thời gian bỏ phiếu, nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu đối với bầu cử sớm thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Việc kiểm phiếu và bảo quản hòm phiếu, phiếu bầu tại khu vực bỏ phiếu sớm thực hiện như sau:

(1) Trong ngày bầu cử, ngay sau khi cuộc bầu cử kết thúc, Tổ bầu cử thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, thực hiện niêm phong theo trình tự, quy định tại điểm b khoản 2 Mục III (Quy trình tiến hành kiểm phiếu) như trên.

(2) Biên bản kiểm phiếu ở khu vực bỏ phiếu sớm phải được Tổ bầu cử niêm phong, gửi đến các Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chậm nhất là 03 ngày sau ngày bầu cử sớm. Trường hợp đặc biệt do khoảng cách địa lý cách trở, do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh mà Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu sớm không thể gửi biên bản kết quả kiểm phiếu theo thời hạn nêu trên thì có thể gửi muộn hơn, nhưng chậm nhất là ngày 18 tháng 3 năm 2026 phải gửi đến các Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để tổng hợp kết quả chung của đơn vị bầu cử.

(3) Sau khi kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu sớm phải tiến hành niêm phong phiếu bầu, cho vào hòm phiếu, làm thủ tục niêm phong hòm phiếu có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, lưu trữ các loại phiếu bầu, hòm phiếu của các Tổ bầu cử ở địa phương mình. Trong thời gian quản lý hòm phiếu (bao gồm các loại phiếu bầu) theo quy định pháp luật về lưu trữ (ít nhất là 05 năm) nếu không có ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền thì tuyệt đối không được mở và kiểm tra phiếu bầu đã được niêm phong trong hòm phiếu.

(4) Không làm lộ lọt kết quả kiểm phiếu ở các khu vực bỏ phiếu sớm để tránh ảnh hưởng đến khu vực bỏ phiếu khác trong cùng đơn vị bầu cử. Các Ban bầu cử và Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã khi nhận được biên bản kết quả kiểm phiếu ở khu vực bỏ phiếu sớm do Tổ bầu cử gửi đến có trách nhiệm bảo quản theo chế độ tài liệu mật và chỉ được mở bì niêm phong biên bản kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc bầu cử vào ngày 15 tháng 3 năm 2026, trừ trường hợp toàn bộ khu vực bỏ phiếu của một đơn vị bầu cử đều được Hội đồng bầu cử quốc gia cho phép thực hiện bỏ phiếu sớm và đã hoàn thành việc bỏ phiếu sớm thì Ban bầu cử mở bì niêm phong biên bản kết quả kiểm phiếu và lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử đó theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

PHẦN V.

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO VÀ XỬ LÝ

CÁC TÌNH HUỐNG PHÁT SINH TRONG CÔNG TÁC BẦU CỬ

I. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Căn cứ quy định của pháp luật, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương đến tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên trực tiếp và cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm trung thực, khách quan, kịp thời.

2. Chế độ thông tin, báo cáo nhanh định kỳ trong ngày bầu cử theo các mốc thời gian (9 giờ sáng, 11 giờ 30 sáng, 03 giờ chiều, 07 giờ tối và 10 giờ tối) được thực hiện theo khoản 2 Điều 33 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, nội dung như sau:

(1) *Báo cáo lần đầu lúc 9 giờ sáng*: Báo cáo về việc tổ chức khai mạc bầu cử; Tình hình bầu cử ở những nơi được Hội đồng bầu cử quốc gia đồng ý cho bầu cử sớm.

(2) *Báo cáo lúc 11 giờ 30 sáng, 03 giờ chiều, 07 giờ tối và 10 giờ tối*: bao gồm các nội dung sau: Diễn biến của cuộc bầu cử; tiến độ cử tri tham gia bỏ phiếu; không khí ngày bầu cử, dư luận trong Nhân dân về cuộc bầu cử và những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; những thuận lợi, khó khăn về giao thông, thông tin liên lạc, thời tiết ảnh hưởng đến việc bầu cử; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn, khu vực xảy ra dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao, khu vực có thiên tai, hỏa hoạn; tình hình ở các điểm nóng và việc xử lý (nếu có); các điều kiện vật chất - kỹ thuật phục vụ cho ngày bầu cử; những tình huống phát sinh cần xin ý kiến chỉ đạo giải quyết ngay trong quá trình tổ chức bầu cử (nếu có).

3. Việc báo cáo tình hình, kết quả sơ bộ và kết quả chính thức cuộc bầu cử thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử, cụ thể như sau:

(1) *Báo cáo tình hình bầu cử (trước và trong ngày bầu cử)*: Báo cáo về công tác chuẩn bị (cơ sở vật chất, danh sách cử tri), tình hình cử tri đi bầu, các vấn đề phức tạp (nếu có) và công tác bảo đảm an ninh trật tự.

(2) *Báo cáo kết quả sơ bộ (ngay sau khi kiểm phiếu)*: Số phiếu phát ra, số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ/không hợp lệ, số phiếu bầu cho từng ứng cử viên (tỷ lệ % và số phiếu thực tế), tỷ lệ cử tri đi bầu (phải đạt quá 1/2 tổng số cử tri để công nhận kết quả). Kết quả sơ bộ được công bố tại khu vực bỏ phiếu ngay sau khi kiểm phiếu xong.

(3) *Báo cáo kết quả chính thức (sau khi tổng hợp và xác minh)*: Danh sách người trúng cử, số phiếu hợp lệ, số phiếu bầu cho người trúng cử, tỷ lệ % trúng cử, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc bầu cử.

II. VIỆC XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG PHÁT SINH TRONG CÔNG TÁC BẦU CỬ

Điều 32 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định 03 tình huống có thể phát sinh trước, trong và sau ngày bầu cử như sau:

1. Trường hợp tại địa bàn có dịch bùng phát, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chỉ đạo, hướng dẫn phương án tổ chức bầu cử đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, theo nguyên tắc địa phương chủ động xây dựng các phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp dịch bệnh bùng phát dẫn đến không thể tổ chức được việc bỏ phiếu vào đúng ngày bầu cử hoặc đối với địa phương do dịch bệnh phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội hoặc phong tỏa thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh chủ động đề xuất, kịp thời báo cáo rõ phương án (thời điểm, cách thức thực hiện việc bỏ phiếu và những công việc khác cần thực hiện) trình Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

2. Trường hợp tại địa bàn xảy ra các tình huống khẩn cấp về thiên tai, hỏa hoạn làm địa hình bị chia cắt dẫn đến cử tri không thể đi đến khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban bầu cử các cấp chỉ đạo Tổ bầu cử tìm phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

3. Trường hợp tình hình an ninh trật tự phức tạp hoặc có nguy cơ cao xảy ra các vấn đề về an ninh trật tự, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kịp thời có phương án đảm bảo an toàn cho cuộc bầu cử.

Lưu ý: Trong trường hợp 03 tình huống phát sinh nêu trên đã được các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương giải quyết nhưng không thể xử lý được hoặc do vượt quá thẩm quyền hoặc xảy ra sự cố, vấn đề đột xuất ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc bầu cử thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh kịp thời báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định phương án tổ chức bầu cử tại khu vực này./.
